



Số:

DU THẢO

## NGHỊ QUYẾT

### ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025 CỦA TỔNG CÔNG TY DẦU VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 do Quốc hội ban hành ngày 17/6/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Dầu Việt Nam – CTCP được ĐHĐCĐ thông qua ngày 27/4/2021 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;

Căn cứ Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Tổng công ty Dầu Việt Nam - Công ty cổ phần đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 25/4/2025;

Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Tổng công ty Dầu Việt Nam - Công ty cổ phần số /BB-ĐHĐCĐ ngày 25/4/2025.

## QUYẾT NGHỊ:

**Điều 1.** Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Tổng công ty Dầu Việt Nam - Công ty cổ phần diễn ra ngày 25/4/2025 đã biểu quyết thông qua các nội dung như sau:

1. Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động SXKD năm 2024 và kế hoạch năm 2025 (chi tiết tại Báo cáo đính kèm), với các chỉ tiêu chính như sau:

### 1.1. Kết quả hoạt động SXKD năm 2024:

| TT        | Chỉ tiêu  | Đơn vị tính               | KH 2024 | TH 2024 | So sánh TH với KH |
|-----------|---|---------------------------|---------|---------|-------------------|
| <b>I</b>  | <b>Chỉ tiêu sản lượng</b>   |                           |         |         |                   |
| 1         | Sản lượng xuất khẩu/bán dầu thô và nhập khẩu dầu thô cho NMLD Dung Quất | 1.000 tấn                 | 9.496   | 9.538   | 100%              |
| -         | Xuất bán (gồm bán cho BSR)  | 1.000 tấn                 | 7.484   | 7.905   | 106%              |
| -         | Nhập khẩu dầu thô cho BSR   | 1.000 tấn                 | 2.012   | 1.632   | 81%               |
| 2         | Sản xuất xăng dầu, dầu mỡ nhờn  | 1.000 m <sup>3</sup> /tấn | 585     | 648     | 111%              |
| 3         | Sản lượng kinh doanh xăng dầu   | 1.000 m <sup>3</sup>      | 5.000   | 5.631   | 113%              |
| -         | Tỷ trọng bán lẻ   | %                         | 27,1%   | 25,8%   |                   |
| <b>II</b> | <b>Chỉ tiêu tài chính</b>   |                           |         |         |                   |
| <b>1</b>  | <b>Các chỉ tiêu tài chính hợp nhất</b>                                  |                           |         |         |                   |
| 1.1       | Doanh thu   | Tỷ đồng                   | 83.000  | 125.193 | 151%              |
| 1.2       | Lợi nhuận trước thuế  | Tỷ đồng                   | 600     | 633     | 106%              |
| 1.3       | Lợi nhuận sau thuế  | Tỷ đồng                   | 480     | 474     | 99%               |



*Handwritten signature*



| TT       | Chỉ tiêu             | Đơn vị tính | KH 2024 | TH 2024 | So sánh TH với KH |
|----------|----------------------|-------------|---------|---------|-------------------|
| 1.4      | Nộp NSNN             | Tỷ đồng     | 7.584   | 10.310  | 136%              |
| <b>2</b> | <b>Công ty mẹ</b>    |             |         |         |                   |
| 2.1      | Doanh thu            | Tỷ đồng     | 56.000  | 85.462  | 153%              |
| 2.2      | Lợi nhuận trước thuế | Tỷ đồng     | 400     | 448     | 112%              |
| 2.3      | Lợi nhuận sau thuế   | Tỷ đồng     | 320     | 376     | 118%              |

## 1.2. Kế hoạch năm 2025:

### a) Các chỉ tiêu kế hoạch chủ yếu

| TT          | Chỉ tiêu  | Đơn vị tính | KH 2025 |
|-------------|---|-------------|---------|
| <b>I</b>    | <b>Các chỉ tiêu sản lượng</b>   |             |         |
| 1           | Sản lượng xuất khẩu/bán dầu thô và nhập khẩu dầu thô cho NMLD Dung Quất | 1.000 tấn   | 8.853   |
| 2           | SX xăng dầu, dầu mỡ nhờn  | 1000 m3/tấn | 650     |
| 3           | Sản lượng kinh doanh xăng dầu   | 1000 m3     | 5.400   |
|             | - Tỷ trọng bán lẻ   | %           | 27,0%   |
| <b>II</b>   | <b>Các chỉ tiêu tài chính</b>   |             |         |
| <b>II.1</b> | <b>Các chỉ tiêu hợp nhất</b>  |             |         |
| 1           | Doanh thu   | Tỷ đồng     | 97.500  |
| 2           | Lợi nhuận trước thuế  | Tỷ đồng     | 780     |
| 3           | Lợi nhuận sau thuế  |             | 624     |
| 4           | Nộp NSNN  | Tỷ đồng     | 8.140   |
| <b>II.2</b> | <b>Công ty mẹ</b>   |             |         |
| 1           | Doanh thu   | Tỷ đồng     | 70.000  |
| 2           | Lợi nhuận trước thuế  | Tỷ đồng     | 630     |
| 3           | Lợi nhuận sau thuế  | Tỷ đồng     | 504     |
| 4           | Tỷ lệ chia cổ tức/Vốn điều lệ   | %           | 2,5%    |

ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT PVOIL xem xét, phê duyệt điều chỉnh kế hoạch SXKD năm 2025 (nếu có) khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền thay đổi giá dầu để tính toán kế hoạch năm 2025 hoặc theo giá dầu thực tế, báo cáo ĐHĐCĐ kết quả thực hiện và công bố thông tin theo quy định.

### b) Kế hoạch đầu tư XDCB

| TT | Hạng mục đầu tư                   | Số lượng   | Giá trị (tỷ đồng) |
|----|-----------------------------------|------------|-------------------|
| 1  | Xây dựng mới và cải tạo kho, cảng |            | 419               |
| 2  | Xây dựng mới và cải tạo CHXD      | 69-72 CHXD | 366               |
| 3  | Đầu tư, mua sắm khác              |            | 314               |
|    | <b>TỔNG CỘNG</b>                  |            | <b>1.099</b>      |
|    | <i>Trong đó: - Công ty mẹ</i>     |            | 425               |
|    | <i>- Công ty con</i>              |            | 674               |
|    | <b>Đầu tư từ nguồn vốn CSH</b>    |            | <b>719</b>        |

579505  
CÔNG TY  
ĐT NAI  
IG TY CỔ PH  
P HỒ CH

*Đạt*



2. Thông qua Báo cáo hoạt động năm 2024 và kế hoạch năm 2025 của Hội đồng quản trị (Báo cáo đính kèm).

3. Thông qua Báo cáo hoạt động năm 2024 và phương hướng hoạt động năm 2025 của Ban Kiểm soát (Báo cáo đính kèm).

4. Thông qua Báo cáo quyết toán tiền lương, thù lao năm 2024 và kế hoạch tiền lương, thù lao năm 2025 của thành viên HĐQT, BKS (Báo cáo đính kèm).

5. Thông qua Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2024 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Deloitte Việt Nam (Tờ trình đính kèm).

6. Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2024 với nội dung như sau:

| STT | Chỉ tiêu  | Số tiền (đồng)  |
|-----|---|-----------------|
| 1   | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm trước chuyển qua        | 450.700.505.793 |
| 2   | Tổng lợi nhuận sau thuế năm 2024                              | 376.473.618.962 |
| 3   | Trích các Quỹ năm 2024  | 83.997.826.270  |
| 4   | LNST chưa phân phối sau khi trích lập các Quỹ (4 = 1 + 2 - 3) | 743.176.298.485 |
| 5   | Chia cổ tức năm 2024 (2,5%VĐL)                                | 258.557.375.000 |
| 6   | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối chuyển sang năm sau         | 484.618.923.485 |

7. Thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2025 của Tổng công ty Dầu Việt Nam – CTCP (Tờ trình đính kèm).

8. Thông qua nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty Dầu Việt Nam – CTCP (Tờ trình đính kèm). Ủy quyền cho HĐQT thực hiện việc điều chỉnh, bổ sung các nội dung nói trên theo đúng quy định của pháp luật.

9. Thông qua Tờ trình miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên HĐQT Tổng công ty Dầu Việt Nam (Tờ trình đính kèm).

10. Thông qua kết quả bầu cử bổ sung thành viên Hội đồng quản trị Tổng công ty Dầu Việt Nam – CTCP (sẽ được cập nhật theo kết quả bầu cử tại đại hội).

**Điều 2.** Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký. Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Bộ máy điều hành Tổng công ty chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 2;
- UBCKNN;
- Sở GD&ĐT Hà Nội;
- Lưu: VT, KH, PPNU (03b).

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**  
**CHỦ TỌA**  
**CHỦ TỊCH HĐQT**

**Cao Hoài Dương**

